

PHỤ LỤC 15-A

BẢN CHÀO CỦA VIỆT NAM

**(Bản dịch không chính thức của Cục Quản lý đấu thầu,
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)**

Bản này là nội dung cam kết TPP - CPTPP tiếp tục tất cả các cam kết TPP ngoại trừ các nội dung tạm hoãn (được đánh dấu chú thích bởi TTWTO-VCCI)

PHỤ LỤC 15-A

BẢN CHÀO CỦA VIỆT NAM

PHẦN A: Cơ quan mua sắm cấp trung ương

Các cơ quan mua sắm cấp trung ương được liệt kê trong Phần này tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Chương 15 (Mua sắm chính phủ) đối với các gói thầu có giá gói thầu bằng hoặc cao hơn ngưỡng sau đây:

Hàng hoá và Dịch vụ:

- Trong 5 năm đầu tiên kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam: 2.000.000 SDR
- Từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 10: 1.500.000 SDR
- Từ năm thứ 11 đến hết năm thứ 15: 1.000.000 SDR
- Từ năm thứ 16 đến hết năm thứ 20: 260.000 SDR
- Từ năm thứ 21 đến hết năm thứ 25: 190.000 SDR
- Từ năm thứ 26 trở đi: 130.000 SDR

Dịch vụ xây dựng:

- Trong 5 năm đầu tiên kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam: 65.200.000 SDR
- Từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 10: 32.600.000 SDR
- Từ năm thứ 11 đến hết năm thứ 15: 16.300.000 SDR
- Từ năm thứ 16 trở đi: 8.500.000 SDR

Danh sách cơ quan mua sắm cấp trung ương:

1. Bộ Tư pháp

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính

Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế

Vụ Pháp luật quốc tế

Vụ Phổ biến, giáo dục pháp luật

Cục Hỗ trợ tư pháp

Vụ Tổ chức cán bộ

Thanh tra Bộ

Vụ Thi đua – Khen thưởng

Vụ Hợp tác quốc tế

Vụ Các vấn đề chung về xây dựng pháp luật

Cục Trợ giúp pháp lý

Cục Con nuôi

Vụ Kế hoạch – Tài chính

Tổng cục Thi hành án dân sự

Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật

Cục Đăng ký quốc gia giao dịch bảo đảm

Cục Công nghệ thông tin

Văn phòng Bộ

Cục bồi thường nhà nước

Cục Công tác phía Nam
Cục Kiểm soát thủ tục hành chính
Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra Bộ
Vụ Thi đua khen thưởng
Vụ Hợp tác xã
Vụ Tài chính tiền tệ
Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân
Cục Quản lý đấu thầu
Vụ Kinh tế công nghiệp
Vụ Kinh tế nông nghiệp
Vụ Kinh tế dịch vụ
Vụ Kết cấu hạ tầng và đô thị
Vụ Quản lý các khu kinh tế
Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư
Vụ Quản lý quy hoạch
Vụ Kinh tế địa phương và lãnh thổ
Vụ Kinh tế đối ngoại
Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội
Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường
Cục Phát triển doanh nghiệp
Cục Đầu tư nước ngoài
Cục Quản lý đăng ký kinh doanh
Văn phòng Bộ, kể cả các VPĐD ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng
Vụ Quốc phòng – An ninh
Tổng cục Thống kê

3. Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra Bộ
Vụ Bảo hiểm xã hội
Vụ Bình đẳng giới
Vụ Lao động – Tiền lương
Vụ Hợp tác quốc tế
Cục Quản lý lao động ngoài nước
Cục An toàn lao động
Cục Việc làm
Cục Bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Vụ Kế hoạch – Tài chính
Cục Người có công
Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội
Cục Bảo trợ xã hội
Văn phòng Bộ
Tổng Cục dạy nghề

4. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra Bộ
Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Cục Hợp tác quốc tế
Cục Di sản văn hóa
Vụ Đào tạo
Tổng cục Du lịch
Vụ Thi đua khen thưởng
Cục Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm
Vụ Gia đình
Vụ Văn hóa dân tộc
Vụ Thư viện
Vụ Kế hoạch – Tài chính
Văn phòng Bộ kể cả VPĐD ở Đà Nẵng
Cục Công tác phía Nam
Cục Nghệ thuật biểu diễn
Cục Điện ảnh
Cục Bản quyền tác giả
Cục Văn hóa cơ sở
Tổng cục Thể dục thể thao
Ban Quản lý Làng Văn hóa – Du lịch các dân tộc Việt Nam

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra Bộ
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Khoa học xã hội và Tự nhiên
Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành Kinh tế - Kỹ thuật
Vụ Công nghệ cao
Vụ Đánh giá, Thẩm định và Giám định công nghệ
Vụ Kế hoạch – Tổng hợp
Cục Ứng dụng và phát triển công nghệ
Cục Sở hữu trí tuệ
Văn phòng Bộ
Cục Công tác phía Nam
Tổng Cục Tiêu chuẩn đo lường Chất lượng

Văn phòng các chương trình trọng điểm cấp Nhà nước
Vụ Tài chính
Vụ Thi đua - Khen thưởng
Vụ Phát triển khoa học và công nghệ địa phương
Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ
Cục Thông tin khoa học và Công nghệ quốc gia
Cục An toàn bức xạ và Hạt nhân
Cục Năng lượng nguyên tử
Ban Quản lý Khu công nghệ cao Hoà Lạc

6. Bộ Tài chính

Cục Quản lý giá
Cục Tài chính Doanh nghiệp
Cục Quản lý Nợ và Tài chính đối ngoại
Cục Quản lý Công sản
Vụ Ngân sách nhà nước
Vụ Đầu tư
Vụ I (Vụ Tài chính, Quốc phòng, An ninh đặc biệt)
Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp
Vụ Chính sách thuế
Vụ Tài chính các Ngân hàng và tổ chức tài chính
Vụ chế độ kế toán và kiểm toán
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Pháp chế
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Thi đua - Khen thưởng
Thanh tra Bộ
Cục Quản lý, giám sát Bảo hiểm
Cục Kế hoạch tài chính
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Tổng cục dự trữ nhà nước
Kho bạc Nhà nước
Tổng cục Hải quan
Tổng cục Thuế
Cục Tin học và Thống kê tài chính

7. Bộ Xây dựng

Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Khoa học công nghệ và môi trường
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Vụ Quy hoạch – kiến trúc
Thanh tra Bộ
Vụ Kinh tế xây dựng
Cục Phát triển đô thị

Vụ Vật liệu xây dựng
Vụ Kế hoạch tài chính
Cục Quản lý hoạt động xây dựng
Cục Hạ tầng kỹ thuật
Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng
Cục Quản lý nhà và thị trường Bất động sản
Văn phòng Bộ
Cục công tác phía Nam
Vụ Quản lý doanh nghiệp

8. Bộ Thông tin và Truyền thông

Vụ Bưu chính
Vụ Công nghệ thông tin
Vụ Khoa học và Công nghệ
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Pháp chế
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Kế hoạch - Tài chính
Thanh tra Bộ
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Đà Nẵng
Cục Tần số vô tuyến điện
Cục Viễn thông
Cục Tin học hóa
Cục Báo chí
Cục Xuất bản, In và Phát hành
Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử
Cục Công tác phía Nam
Cục Thông tin đối ngoại
Vụ Quản lý doanh nghiệp
Vụ Thi đua khen thưởng
Vụ Thông tin cơ sở
Cục bưu điện Trung ương
Cục An toàn thông tin

9. Bảo hiểm Xã hội Việt Nam

Ban Đầu tư quỹ
Văn phòng, bao gồm VPDD tại TP. Hồ Chí Minh
Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội
Ban Thực hiện chính sách Bảo hiểm y tế
Ban Sổ, Thẻ
Ban Tuyên truyền
Ban Hợp tác quốc tế
Ban Thi đua – Khen thưởng
Ban Pháp chế
Ban Tổ chức cán bộ
Ban Thu

Ban Tài chính – Kế toán
Ban Kế hoạch và Đầu tư
Ban Dược và Vật tư y tế
Ban Kiểm tra
Ban Kiểm toán nội bộ

10. Thanh tra Chính phủ

Vụ Tổ chức Cán bộ
Vụ Pháp chế
Vụ Hợp tác Quốc tế
Vụ thanh tra khối kinh tế ngành (Vụ I)
Vụ thanh tra khối nội chính và kinh tế tổng hợp (Vụ II)
Vụ thanh tra khối văn hóa xã hội (Vụ III)
Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 1 (Cục I)
Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 2 (Cục II)
Cục giải quyết khiếu nại tố cáo và thanh tra khu vực 3 (Cục III)
Cục chống tham nhũng (Cục IV)
Văn phòng, kể cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh
Vụ tiếp dân và xử lý đơn thư
Vụ giám sát, thẩm định và xử lý sau thanh tra
Vụ Kế hoạch, Tài chính và Tổng hợp

11. Bộ Công Thương

Vụ Kế hoạch
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Vụ Hợp tác quốc tế
Thanh tra Bộ
Vụ Khoa học và Công nghệ
Vụ Công nghiệp nặng
Tổng cục năng lượng
Vụ Công nghiệp nhẹ
Cục Xuất nhập khẩu
Vụ Thị trường trong nước
Vụ Thương mại biên giới và miền núi
Vụ Thị trường châu Á - Thái Bình Dương
Vụ Thị trường châu Âu
Vụ Thị trường châu Mỹ
Vụ Thị trường châu Phi, Tây Á, Nam Á
Vụ Chính sách thương mại đa biên
Vụ Thi đua - Khen thưởng
Vụ Tài chính
Cục Công tác phía nam
Cục Điều tiết điện lực
Cục Quản lý cạnh tranh
Cục Quản lý thị trường

Cục Xúc tiến thương mại
Cục Công nghiệp địa phương
Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp
Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin
Cục Hóa chất
Vụ Phát triển nguồn nhân lực
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Đà Nẵng

12. Bộ Y tế

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra Bộ
Vụ Hợp tác quốc tế
Cục Quản lý dược
Vụ Bảo hiểm y tế
Vụ Sức khỏe Bà mẹ – Trẻ em
Cục Quản lý Y Dược cổ truyền
Vụ Trang thiết bị và Công trình y tế
Vụ Kế hoạch – Tài chính
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh
Cục Y tế dự phòng
Cục Phòng, chống HIV/AIDS
Cục Quản lý khám, chữa bệnh
Cục An toàn thực phẩm
Tổng cục Dân số – Kế hoạch hóa gia đình
Vụ truyền thông và Thi đua-Khen thưởng
Cục Công nghệ thông tin
Cục Quản lý môi trường Y tế
Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo

13. Bộ Tài nguyên và Môi trường

Vụ Pháp chế
Vụ Tài chính
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Thi đua khen thưởng và tuyên truyền
Thanh tra Bộ
Vụ Kế hoạch
Vụ Khoa học và Công nghệ
Tổng cục Quản lý đất đai
Cục Quản lý tài nguyên nước
Cục Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam
Văn phòng Bộ, bao gồm cả VPDD tại Thành phố Hồ Chí Minh
Tổng cục Môi trường
Tổng cục Địa chất và Khoáng sản
Cục Công nghệ và Thông tin
Cục Viễn thám quốc gia
Tổng cục Biển và Hải đảo Việt Nam

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thanh tra Bộ
Vụ Pháp chế
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Giáo dục Mầm non
Vụ Giáo dục Tiểu học
Vụ Giáo dục Trung học
Vụ Giáo dục Chuyên nghiệp
Vụ Giáo dục Đại học
Vụ Giáo dục Dân tộc
Vụ Giáo dục Thường xuyên
Vụ Công tác học sinh, sinh viên
Vụ Giáo dục Quốc phòng
Vụ Khoa học - Công nghệ và Môi trường
Vụ Hợp tác Quốc tế
Vụ Kế hoạch - Tài chính
Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục
Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục
Cục Công nghệ thông tin
Cục Cơ sở vật chất và Thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em
Cục Đào tạo với nước ngoài
Văn phòng Bộ
Cơ quan đại diện tại TP. Hồ Chí Minh

15. Bộ Nội vụ

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Tổ chức - Biên chế
Vụ Tiền lương
Vụ Công chức - Viên chức
Vụ Chính quyền địa phương
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Tổ chức phi chính phủ
Vụ Cải cách hành chính
Vụ Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ công chức

Vụ Pháp chế
Vụ Tổng hợp
Thanh tra Bộ
Văn phòng Bộ, kể cả VPDD tại Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh
Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước
Ban Tôn giáo Chính phủ
Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương
Vụ Kế hoạch - Tài chính
Vụ Công tác thanh niên

16. Bộ Ngoại giao

Vụ ASEAN
Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương
Vụ Đông Bắc Á
Vụ Châu Âu
Vụ Châu Mỹ
Vụ Tây Á - Châu Phi
Vụ Chính sách Đối ngoại
Vụ các Tổ chức Quốc tế
Vụ Luật pháp và Điều ước Quốc tế
Vụ Hợp tác Kinh tế Đa phương
Vụ Tổng hợp Kinh tế
Vụ Văn hóa Đối ngoại và UNESCO
Vụ Thông tin Báo chí
Vụ Tổ chức Cán bộ
Thanh tra Bộ
Văn phòng Bộ
Cục Lãnh sự
Cục Lễ tân Nhà nước
Cục Quản trị Tài vụ
Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài
Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh
Cục Ngoại vụ
Vụ Thi đua – khen thưởng và Truyền thống ngoại giao

17. Ủy ban Dân tộc

Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra
Vụ Chính sách dân tộc
Vụ Địa phương I
Vụ Địa phương II

Vụ Địa phương III
Vụ Tuyên truyền
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Tổng hợp
Vụ Kế hoạch - Tài chính
Văn phòng
Vụ dân tộc thiểu số

18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Vụ Kế hoạch
Vụ Tài chính
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Pháp chế
Thanh tra Bộ
Cục Chăn nuôi
Cục Trồng trọt
Cục Chế biến, nông lâm thủy sản và nghề muối
Văn phòng Bộ
Cục Bảo vệ thực vật
Tổng cục Thủy lợi
Tổng cục Lâm nghiệp
Tổng cục Thủy sản
Cục Thú y
Cục Quản lý xây dựng công trình
Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
Vụ Quản lý doanh nghiệp

19. Bộ Giao thông vận tải

Vụ Pháp chế
Vụ Tổ chức cán bộ
Vụ Vận tải
Vụ Môi trường
Vụ Hợp tác quốc tế
Vụ An toàn giao thông
Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông
Vụ Khoa học - Công nghệ
Vụ Tài chính
Vụ Kế hoạch - Đầu tư
Vụ quản lý doanh nghiệp

Thanh tra Bộ
Văn phòng Bộ
Cục Quản lý xây dựng và Chất lượng công trình giao thông
Cục Đăng kiểm Việt Nam
Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
Cục Hàng hải Việt Nam
Cục Đường sắt Việt Nam
Cục Hàng không Việt Nam
Tổng cục Đường bộ Việt Nam
Cục Y tế Giao thông vận tải

20. Bộ Công an

Tổng cục cảnh sát
Cục Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
Cục Y tế - Tổng cục Hậu cần Kỹ thuật

21. Bộ Quốc phòng

Cục Kinh tế
Cục Cứu hộ - Cứu nạn

Lưu ý đối với Phần A:

1. Chương 15 (Mua sắm chính phủ) chỉ áp dụng đối với gói thầu của các đơn vị nêu trên trực thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ được liệt kê trong Phần này và các đơn vị hành chính trực thuộc ở cấp trung ương của các đơn vị đó.
2. Đối với Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với các gói thầu cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan tới nghĩa trang liệt sỹ.
3. Đối với Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, để rõ nghĩa hơn, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với các gói thầu cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư, tư vấn đầu tư hay dịch vụ lưu ký và lưu giữ chứng khoán nhằm quản lý và đầu tư tài sản của quỹ bảo hiểm xã hội.
4. Đối với Bộ Giao thông vận tải, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với các gói thầu xây lắp.
5. Đối với Bộ Quốc phòng:
a) Chương 15 (Mua sắm chính phủ) chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm các loại hàng hoá được liệt kê dưới đây:
 - Lớp ô tô tải nhẹ (tải trọng lớn nhất từ 410kg - 3050kg, đường kính ngoài từ 475mm-972mm); Lớp ô tô đặc chủng (tải trọng lớn nhất từ 2937kg-61500kg, đường kính ngoài từ 1220mm-3045mm); Lớp ô tô tải nặng (tải trọng lớn nhất từ 4770kg-5525kg, đường kính ngoài từ 1020mm-1230mm);
 - Săm ô tô (Đường kính mặt cắt từ 104mm-236mm, đường kính trong từ 305mm - 650mm); Săm xe đạp (theo quy chuẩn TC 03-2002/CA); Săm xe máy (theo quy chuẩn TCVN 5721-1, JIS6367, DOT, SN1);
 - Sản phẩm da dùng cho xe ô tô;
 - Dây đai thun các loại (rộng đến 80mm, dài đến 500m);
 - Ống và phụ kiện gang (gang xám, gang cầu: Loại thông dụng có đường kính từ 100-

- 800mm phù hợp tiêu chuẩn quốc tế ISO 2531:1998)
- Trụ anten (dây néo tam giác 330 cao từ 21-45m; dây néo tam giác 660 cao từ 36-66 m; dây néo tam giác 800 cao từ 60-100m; dây néo ống tròn - cao 15m; rút cơ động - cao 10 m); Các loại dàn giáo, cột chống, cốp pha kim loại (Loại thông dụng);
 - Vít xoắn;
 - Ống khói;
 - Thiết bị sản xuất gạch nung các loại (Đến 20 triệu viên/năm);
 - Thiết bị sản xuất nước đá tinh khiết (Thông số máy lớn: kích thước viên đá 48x80mm, sản lượng 9-10 tấn/24 giờ, 1 mẻ 400kg, điện tiêu thụ 0,085kwh/kg đá, công suất máy nén 50 Hp);
 - Nồi hấp tiệt trùng (Loại 20 lít, 52 lít, 75 lít);
 - Máy lọc nước công nghiệp (công suất 6 tấn/giờ, công suất điện 25kw);
 - Tời chạy bằng động cơ điện (sức nâng đến 50 tấn);
 - Máy in kim;
 - Máy giặt các loại (kể cả loại có máy sấy khô, tự động);
 - Máy tính tiền;
 - Vòi sen (Dùng cho máy lọc nước trong nhà bếp: Q030JGEV, Q030JGV, Q030JGEVQ01);
 - Bình ắc quy chì axit bản cực ống (Chuyên dùng cho xe nâng hàng chạy điện: dung lượng từ 2V-100Ah đến 2V-1000Ah; chuyên dùng cho xe điện sân gôn, nhà ga, bến cảng... dung lượng 6V-225Ah; 8V-195Ah; 12V-130Ah);
 - Đèn ph axe con; Đèn pha xe tải loại dưới 1 tấn; Cản gạt nước cho xe ô tô;
 - Còi xe ô tô;
 - Thùng thư bưu chính;
 - Webcam;
 - Xe đạp 2 bánh và xe đạp khác không lắp động cơ (kể cả xe xích lô ba bánh chở hàng);
 - Ống xả xe gắn máy; Tay nắm sau xe gắn máy; Giảm sóc trước và sau cho xe gắn máy;
 - Công tơ điện xoay chiều một pha: ba pha (U đến 380V, I đến 100A); Công tơ điện xoay chiều kiểu điện tử một pha, ba pha; Công tơ điện xoay chiều 1 pha kiểu điện tử (cấp chính xác 1,0: điện áp định mức (Un): 220VAC, dòng điện định mức (Ib): 5A, 10A, 20A, 30A, 50A: dòng điện cực đại (Imax): 20A, 40A, 60A, 80A, 100A, dòng điện khởi động (Ist)<0,4%Ib; tần số làm việc: 50Hz; hằng số công tơ: 1600 xung/kwh);
 - Hộp bảo vệ công tơ điện bằng compozit;
 - Hộp công tơ composite;
 - Thiết bị kiểm định công tơ (1 pha 12 vị trí; 1 pha 40 vị trí);
 - Đồng hồ báo thức;
 - Đồng hồ treo tường (hoạt động bằng điện);
 - Biển báo bằng nhôm phản quang (dùng cho ô tô, mô tô, biển giao thông);
 - Gậy cao su; Gậy điện các loại; Bình xịt hơi cay (loại 500 ml, 2000 ml);
 - Đường mía, đường củ cải, đường sucroza: (tinh khiết về mặt hóa học, ở thể rắn); Đường thô chưa pha thêm hương liệu hoặc chất màu và Loại khác;
 - Cane or beet sugar and sucrose (chemically pure, in solid form), Raw sugar not containing added flavoring or coloring matter and Others;
 - Dấm;

- Muối ăn;
- Vôi;
- Tinh quặng đồng (18-20% Cu);
- Bột ngọt;
- Mực in các loại (dùng để in chứng minh nhân dân);
- Giấy in báo dạng cuộn hoặc tờ (định lượng từ 42-55 g/m²);
- Giấy, bìa, giấy không tráng dùng để in, viết, photocopy, làm thẻ, băng đục lỗ, làm đế nên để sản xuất giấy kỹ thuật (Định lượng từ 40-120 g/m²; Không bao gồm các loại có mã số: 4802.51.20, 4802.60.20, 4802.30.00, 4802.40.00, 4802.20.00);
- Giấy lót giấy (dùng để lót giấy);
- Thùng carton 3 lớp, 5 lớp;
- Dây giày cotton và polyester;
- Ruột phích và ruột bình chân không;
- Hộp bảo vệ công tơ thép sơn tĩnh điện (Cho công trình lưới điện);
- Phụ tùng của xe máy và xe đạp;
- Hộp bảo vệ công tơ composite (Cho công trình lưới điện; loại 1 công tơ 1 pha; loại 2 công tơ 1 pha; loại 4 công tơ 1 pha; loại 1 công tơ 3 pha);
- Ống nước nhựa HDPE (Loại ống ϕ 20-110mm. Có hệ số truyền nhiệt thấp chịu được ánh sáng mặt trời không bị ion hóa dưới tia cực tím, chịu được nhiệt độ thấp -40 độ C); ống nước nhựa PPR (Loại ống ϕ 20-90mm chịu nhiệt độ và áp suất cao, độ bền cao, chịu uốn tốt, không gây tiếng ồn và rung khi dòng nước chảy qua);
- Cửa nhựa; Cửa nhựa lõi thép sản xuất từ thanh uPVC định hình (Chế tạo đồng bộ từ các linh kiện như khung cửa định hình, hộp kính, gioăng. Có tính cách âm, cách nhiệt và chịu áp lực cao; tiết kiệm năng lượng);
- Kính gương (dày từ 1,5 - 18mm);
- Vòi sen tắm nóng lạnh (Loại 2 dòng nước dùng trong nhà vệ sinh); Vòi sen tắm lạnh (Loại 1 dòng nước dùng trong nhà vệ sinh); Vòi lavabo nóng lạnh (Loại 2 dòng nước dùng trong nhà vệ sinh); Vòi lạnh (Loại 1 dòng nước dùng trong nhà vệ sinh); Vòi rửa chén lạnh (Loại 2 dòng nước dùng trong nhà bếp); Vòi hồ (loại 2 dòng nước dùng rửa tay);
- Bóng đèn điện các loại (đèn dây tóc loại thông thường; đèn compact 2U, 3U công suất 5-20W; đèn huỳnh quang FHF công suất 32W, đèn huỳnh quang FLD công suất 18 và 36W);
- Bao bì đóng gói sản phẩm phần mềm bằng giấy;
- Hộp, vỏ bao bảo vệ các vật mang tin;
- Nhãn sản phẩm điện tử bằng giấy.

b) Chương 15 (Mua sắm chính phủ) chỉ áp dụng đối với các dịch vụ thuộc Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tạm thời của Liên hiệp quốc được liệt kê dưới đây:

Mã CPC	Mô tả
61120	Dịch vụ bảo trì và sửa chữa các phương tiện gắn máy (ngoại trừ dịch vụ đại tu động cơ).
612	Dịch vụ bán, bảo trì và sửa chữa xe máy và xe máy tuyết; bán các bộ phận và phụ tùng liên quan (chỉ chào dịch vụ bảo trì và sửa chữa xe máy)
87401	Dịch vụ diệt khuẩn và ngăn ngừa lây lan

- 87507 Dịch vụ phục hồi, sao chép và chỉnh sửa ảnh
- 87501 Dịch vụ chụp ảnh chân dung
- 51520 Dịch vụ khoan giếng nước (ngoại trừ dịch vụ lắp đặt và sửa chữa hệ thống ống dẫn trong các công trình)

6. Đối với Bộ Công an:

a) Chương 15 (Mua sắm chính phủ) chỉ áp dụng đối với hàng hoá được liệt kê dưới đây thuộc Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (HS) ban hành kèm theo Thông tư 156/2011/TT-BTC ngày 24/11/2011:

Mã HS	Mô tả
30	Dược phẩm
34.02	Chất hữu cơ hoạt động bề mặt (trừ xà phòng); các chế phẩm hoạt động bề mặt, các chế phẩm dùng để giặt, rửa (kể cả các chế phẩm dùng để giặt, rửa phụ trợ) và các chế phẩm làm sạch, có hoặc không chứa xà phòng, trừ các loại thuộc nhóm 34.01.
3402.19.10	Loại thích hợp để sử dụng trong các chế phẩm chữa cháy
3813.00.00	Các chế phẩm và các vật liệu nạp cho bình dập lửa; lựu đạn đã nạp chất dập lửa.
39.26	Sản phẩm khác bằng plastic và các sản phẩm bằng các vật liệu khác của các nhóm từ 39.01 đến 39.14.
3926.20.60	Hàng may mặc dùng để phòng hoá, phóng xạ hoặc lửa
3926.90.42	Mặt nạ bảo hộ và các vật phẩm tương tự sử dụng khi hàn và trong các công việc tương tự
3926.90.44	Đệm cứu sinh dùng để bảo vệ người ngã từ trên cao xuống
3926.90.49	Loại khác
59.07	Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ bằng cách khác; bạt đã vẽ làm phòng màn cho sân khấu, phòng trường quay hoặc loại tương tự.
5907.00.30	Các loại vải dệt được ngâm tẩm, tráng hoặc phủ với hoá chất chịu lửa
59.09	Các loại ống dẫn dệt mềm và các loại ống dệt tương tự có lót hoặc không lót, bọc vỏ cứng hoặc có các phụ kiện từ vật liệu khác.
5909.00.10	Các loại vòi cứu hỏa
61.13	Quần áo được may từ các loại vải dệt kim hoặc móc thuộc nhóm 59.03, 59.06 hoặc 59.07.
61.16	Găng tay, găng tay hở ngón và găng tay bao, dệt kim hoặc móc.
6116.10.10	Loại khác
62.10	Quần áo may từ các loại vải thuộc nhóm 56.02, 56.03, 59.03, 59.06 hoặc 59.07.
6210.10	Từ các loại vải thuộc nhóm 56.02 hoặc 56.03
6210.10.11	Quần áo chống các chất hóa học, phóng xạ hoặc chống cháy
6210.20.20	Quần áo chống cháy
6210.20.30	Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ
6210.30.20	Quần áo chống cháy
6210.30.30	Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ
6210.40.10	Quần áo chống cháy
6210.40.20	Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ

- 6210.50.10 Quần áo chống cháy
- 6210.50.20 Quần áo chống các chất hóa học hoặc phóng xạ
- 64.01 Giày, dép không thấm nước có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc plastic, mũ giày, dép không gắn hoặc lắp ghép với đế bằng cách khâu, tán đinh, xoay ốc, cắm đế hoặc các cách tương tự.
- 65.06 Mũ và các vật đội đầu khác, đã hoặc chưa lót hoặc trang trí.
- 6506.10.20 Mũ bảo hộ công nghiệp và mũ bảo hiểm cho lính cứu hỏa, trừ mũ bảo hộ bằng thép
- 82.01 Dụng cụ cầm tay, gồm: mai, xẻng, cuốc chim, cuốc, dụng cụ xới và làm tơi đất, chĩa và cào; riu, câu liềm và các dụng cụ tương tự dùng để cắt chặt; kéo cắt cây và kéo tia cây các loại; hái, liềm, dao cắt cỏ, kéo tia xén hàng rào, cái nêm gỗ và các dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp, làm vườn hoặc trong lâm nghiệp.
- 82.02 Cưa tay; lưỡi cưa các loại (kể cả các loại lưỡi rạch, lưỡi khía răng cưa hoặc lưỡi cưa không răng).
- 82.03 Giũa, nạo, kim (kể cả kim cắt), panh, nhíp, lưỡi cắt kim loại, dụng cụ cắt ống, xén bu lông, khoan và các dụng cụ cầm tay tương tự.
- 84.24 Thiết bị cơ khí (được điều khiển bằng tay hoặc không) để phun bắn, phun rải, hoặc phun áp lực các chất lỏng hoặc chất bột; bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp; súng phun và các loại tương tự; máy phun bắn bằng hơi nước hoặc cát và các loại máy phun bắn tia tương tự.
- 8424.10 Bình dập lửa, đã hoặc chưa nạp
- 85.01 Động cơ điện và máy phát điện (trừ tổ máy phát điện).
- 85.03 Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại máy thuộc nhóm 85.01 hoặc 85.02.
- 85.19 Thiết bị ghi và tái tạo âm thanh.
- 85.22 Bộ phận và đồ phụ trợ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các thiết bị của nhóm 85.19 hoặc 85.21.
- 85.25 Thiết bị phát dùng cho phát thanh sóng vô tuyến hoặc truyền hình, có hoặc không gắn với thiết bị thu hoặc ghi hoặc tái tạo âm thanh; camera truyền hình, camera số và camera ghi hình ảnh nền.
- 85.26 Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến.
- 85.37 Bảng, panen, giá đỡ, bàn tủ và các loại hộp khác, được lắp với hai hay nhiều thiết bị thuộc nhóm 85.35 hoặc 85.36, dùng để điều khiển hoặc phân phối điện, kể cả các loại trên có lắp các dụng cụ hay thiết bị thuộc Chương 90, và các thiết bị điều khiển số, trừ các thiết bị chuyển mạch thuộc nhóm 85.17.
- 87.05 Xe chuyên dùng có động cơ, trừ các loại được thiết kế chủ yếu dùng để chở người hay hàng hóa (ví dụ, xe cứu hộ, xe cần cẩu, xe cứu hỏa, xe trộn bê tông, xe quét đường, xe phun tưới, xe sửa chữa lưu động, xe chiếu chụp X-quang).
- 8705.10.00 Xe cần cẩu
- 8705.20.00 Xe cần trục khoan
- 8705.90.50 Xe làm sạch đường; xe hút bùn, bể phốt; xe cứu thương lưu động; xe phun tưới các loại
- 89.05 Tàu đèn hiệu, tàu cứu hỏa, tàu hút nạo vét (tàu cuốc), cần cẩu nổi và tàu thuyền khác mà tính năng di động trên mặt nước chỉ nhằm bổ sung cho chức năng

- chính của các tàu thuyền này; ụ nổi sửa chữa tàu; dàn khoan hoặc dàn sản xuất nổi hoặc nửa nổi nửa chìm.
- 89.06 Tàu thuyền khác, kể cả tàu chiến và xuồng cứu sinh trừ thuyền dùng mái chèo.
- 8908.00.00 Tàu thuyền và kết cấu nổi khác để phá dỡ.
- 90.18 Thiết bị và dụng cụ dùng cho ngành y, phẫu thuật, nha khoa hoặc thú y, kể cả thiết bị ghi biểu đồ nháy nháy, thiết bị điện y học khác và thiết bị kiểm tra thị lực.
- 90.19 Thiết bị trị liệu cơ học; máy xoa bóp; máy thử nghiệm trạng thái tâm lý; máy trị liệu bằng ôzôn, bằng ôxi, bằng xông, máy hô hấp nhân tạo hoặc máy hô hấp trị liệu khác.
- 9020.00.00 Thiết bị thở và mặt nạ phòng khí khác, trừ các mặt nạ bảo hộ mà không có bộ phận cơ khí hoặc không có phin lọc có thể thay thế được.
- 90.21 Dụng cụ chỉnh hình, kể cả nạng, băng dùng trong phẫu thuật và băng cố định; nẹp và các dụng cụ cố định vết gãy khác; các bộ phận nhân tạo của cơ thể người; thiết bị trợ thính và dụng cụ khác được lắp hoặc mang theo, hoặc cấy vào cơ thể, để bù đắp khuyết tật hay sự suy giảm của một bộ phận cơ thể.
- 90.22 Thiết bị sử dụng tia X hoặc tia phóng xạ alpha, beta hay gamma, có hoặc không dùng cho mục đích y học, phẫu thuật, nha khoa hay thú y, kể cả thiết bị chụp hoặc thiết bị điều trị bằng các tia đó, ống phát tia X và thiết bị tạo tia X khác, thiết bị tạo tia cường độ cao, băng và bàn điều khiển, màn hình, bàn, ghế và các loại tương tự, dùng để khám hoặc điều trị.

b) Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với gói thầu cung cấp dịch vụ và gói thầu xây lắp của Bộ Công an;

c) Gói thầu mua thuốc của Bộ Công an và các quyền dành cho doanh nghiệp được có vốn đầu tư nước ngoài sẽ thực hiện theo cam kết của Bộ Y tế đối với các gói thầu mua thuốc thuộc phạm vi điều chỉnh được nêu trong lưu ý đối với Phần D (Danh mục hàng hoá).

PHẦN B: Cơ quan mua sắm cấp địa phương

Chưa cam kết mở cửa

PHẦN C: Các cơ quan khác

Các cơ quan khác được liệt kê trong Phần này tổ chức lựa chọn nhà thầu theo Chương 15 (Mua sắm chính phủ) đối với các gói thầu có giá gói thầu bằng hoặc cao hơn ngưỡng sau đây:

Hàng hoá và Dịch vụ

- Trong 5 năm đầu tiên kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam: 3.000.000 SDR
- Từ năm thứ 6 trở đi: 2.000.000 SDR

Dịch vụ xây dựng

- Trong 5 năm đầu tiên kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam: 65.200.000 SDR
- Từ năm thứ 6 đến hết năm thứ 10: 55.000.000 SDR
- Từ năm thứ 11 đến hết năm thứ 15: 40.000.000 SDR
- Từ năm thứ 16 đến hết năm thứ 20: 25.000.000 SDR
- Từ năm thứ 21 trở đi: 15.000.000 SDR

Danh sách cơ quan:

1. Thông tấn xã Việt Nam

Ban Tổ chức cán bộ

Ban Kiểm tra

Ban Thư ký biên tập

Ban Kế hoạch – Tài chính

Ban Biên tập tin đối ngoại

Ban Biên tập tin trong nước

Ban Biên tập tin kinh tế

Ban Biên tập tin thế giới

Trung tâm thông tin tư liệu

Trung tâm tin học

Trung tâm Bồi dưỡng nghiệp vụ Thông tấn

Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực phía Nam

Cơ quan Thông tấn xã Việt Nam khu vực Miền Trung – Tây Nguyên

Ban Biên tập ảnh

Văn phòng Thông tấn xã

2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Vụ Tổ chức cán bộ

Vụ Quản lý khoa học

Ban Thanh tra

Vụ Hợp tác quốc tế

Vụ Quản lý đào tạo

Vụ Các trường chính trị

Viện Quan hệ quốc tế

Viện Nhà nước và Pháp luật

Viện Triết học

Viện Chính trị học
Viện Văn hóa và Phát triển
Viện Nghiên cứu quyền con người
Viện Kinh tế
Tạp chí Lý luận chính trị
Viện Lịch sử Đảng
Viện Hồ Chí Minh và các Lãnh tụ của Đảng
Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học
Viện Xã hội học
Vụ Kế hoạch – Tài chính

3. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhà xuất bản Khoa học xã hội
Viện Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á
Trung tâm Phân tích và Dự báo
Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam
Viện Nghiên cứu con người
Viện Nghiên cứu Tôn giáo
Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ
Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam
Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông
Viện Nghiên cứu Trung Quốc
Trung tâm Ứng dụng Công nghệ thông tin
Viện Phát triển bền vững vùng Tây Nguyên
Viện Nghiên cứu Văn hóa
Viện Sử học
Viện Nhà nước và Pháp luật
Viện Dân tộc học
Viện Nghiên cứu Đông Nam Á
Viện Triết học
Viện Xã hội học
Viện Nghiên cứu Châu Âu
Viện Tâm lý học
Viện Văn học
Viện Kinh tế Việt Nam
Viện Từ điển học và Bách khoa thư Việt Nam
Viện Kinh tế và Chính trị thế giới
Viện Nghiên cứu Hán – Nôm
Học viện Khoa học xã hội
Viện Khảo cổ học
Viện Thông tin Khoa học xã hội

Ban Tổ chức cán bộ
Ban Kế hoạch – Tài chính
Ban Quản lý Khoa học
Ban Hợp tác quốc tế
Văn phòng

4. Viện Hàn lâm Khoa học và công nghệ Việt Nam

Viện Toán học
Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ
Viện Vật lý Ứng dụng và Thiết bị khoa học
Viện Cơ học và Tin học ứng dụng
Viện Công nghệ hóa học
Viện Khoa học vật liệu ứng dụng
Viện Sinh học nhiệt đới
Viện Khoa học năng lượng
Văn phòng VAST, bao gồm văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh
Viện Công nghệ thông tin
Viện Cơ học
Viện Vật lý địa cầu
Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật
Viện Tài nguyên và Môi trường biển
Viện Sinh học Tây Nguyên
Viện Hải dương học
Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang
Viện Vật lý
Viện Địa chất và Địa vật lý biển
Viện Công nghệ môi trường
Viện Khoa học vật liệu
Viện Hóa học
Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên
Viện Công nghệ sinh học
Viện Địa lý
Viện Địa chất
Viện Kỹ thuật nhiệt đới
Viện Công nghệ vũ trụ
Trung tâm tin học và Tính toán
Viện Hóa sinh biển

5. Bệnh viện Bạch Mai

6. Bệnh viện Chợ Rẫy

7. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế

8. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên

9. Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ

10. **Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam**
11. **Bệnh viện Việt Nam - Thụy Điển Uông Bí**
12. **Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới**
13. **Bệnh viện Hữu nghị Việt - Đức**
14. **Bệnh viện E**
15. **Bệnh viện Hữu nghị**
16. **Bệnh viện Thống Nhất**
17. **Bệnh viện C Đà Nẵng**
18. **Bệnh viện K**
19. **Bệnh viện Nhi Trung ương**
20. **Bệnh viện Phụ - Sản Trung ương**
21. **Bệnh viện Mắt Trung ương**
22. **Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương**
23. **Bệnh viện Nội tiết Trung ương**
24. **Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương Hà Nội**
25. **Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt Trung ương thành phố Hồ Chí Minh**
26. **Bệnh viện 71 Trung ương**
27. **Bệnh viện 74 Trung ương**
28. **Bệnh viện Phổi Trung ương**
29. **Bệnh viện Tâm thần Trung ương 1**
30. **Bệnh viện Tâm thần Trung ương 2**
31. **Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quy Hòa**
32. **Bệnh viện Phong - Da liễu Trung ương Quỳnh Lập**
33. **Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng Trung ương**
34. **Bệnh viện Bệnh Nhiệt đới Trung ương**
35. **Bệnh viện Da liễu Trung ương**
36. **Bệnh viện Lão khoa Trung ương**
37. **Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương**
38. **Bệnh viện Châm cứu Trung ương**

Lưu ý đối với Phần C:

1. Để rõ nghĩa hơn, đối với Thông tấn xã Việt Nam, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) chỉ áp dụng đối với gói thầu của các đơn vị trực thuộc được liệt kê ở trên.
2. Đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với gói thầu dịch vụ phục chế.
3. Đối với Thông tấn xã Việt Nam, Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với các gói thầu liên quan đến việc sản xuất tin tức.
4. Đối với 34 bệnh viện nêu trên, ngưỡng mở cửa gói thầu hàng hoá trong Phần C được áp dụng đối với gói thầu mua thuốc cho từng bệnh viện mà có thời gian thực hiện hợp đồng từ một năm trở lên, hoặc gói thầu mua thuốc tập trung do Bộ Y tế thay mặt các bệnh viện tổ chức lựa chọn nhà thầu. Trường hợp gói thầu mua thuốc của bệnh viện có thời gian thực hiện

hợp đồng dưới một năm, ngưỡng mở cửa đối với gói thầu này là 500.000 SDR. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm một loại thuốc duy nhất, ngưỡng mở cửa là 180.000 SDR.

5. Việt Nam không mở cửa Phần C cho Mê-hi-cô

PHẦN D: Danh mục hàng hoá

Chương 15 (Mua sắm chính phủ) áp dụng đối với tất cả gói thầu mua sắm hàng hoá của những cơ quan được liệt kê từ Phần A tới Phần C, trên cơ sở Lưu ý đối với các Phần và Lưu ý chung trong Phần G, ngoại trừ gói thầu mua sắm những hàng hoá dưới đây:

Mã HS	Mô tả
10.06	Lúa gạo
27.09	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô
27.10	Dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, trừ dầu thô; các chế phẩm chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác, có chứa hàm lượng từ 70% trở lên là dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, những loại dầu này là thành phần cơ bản của các chế phẩm đó; dầu thải
49.01	Các loại sách in, sách gấp, sách mỏng và các ấn phẩm in tương tự, dạng tờ đơn hoặc không phải dạng tờ đơn
49.02	Báo, tạp chí chuyên ngành và các xuất bản phẩm định kỳ, có hoặc không có minh họa tranh ảnh hoặc chứa nội dung quảng cáo
49.05	Bản đồ và biểu đồ thủy văn hoặc các loại biểu đồ tương tự, kể cả tập bản đồ, bản đồ treo tường, bản đồ địa hình và quả địa cầu, đã in
49.07	Các loại tem bưu chính, tem thuế hoặc tem tương tự đang được lưu hành hoặc mới phát hành, chưa sử dụng tại nước mà chúng có, hoặc sẽ có giá trị, mệnh giá được công nhận; giấy có dấu tem sẵn; các loại giấy bạc (tiền giấy); mẫu séc, chứng khoán, cổ phiếu hoặc chứng chỉ trái phiếu và các loại tương tự
8517.61	Trạm thu phát gốc
8525.50	Thiết bị phát
8525.60	Thiết bị phát có gắn với thiết bị thu
85.26	Ra đa, các thiết bị dẫn đường bằng sóng vô tuyến và các thiết bị điều khiển từ xa bằng vô tuyến
8527.13	Máy khác kết hợp với máy ghi hoặc tái tạo âm thanh
8527.19	Máy thu có chức năng lập sơ đồ, quản lý và giám sát phổ điện từ Đĩa, băng, các thiết bị lưu trữ bền vững, thẻ rắn, “thẻ thông minh” và các phương tiện lưu giữ thông tin khác để ghi âm hoặc ghi các hiện tượng khác

Lưu ý đối với Phần D:

Việc mua thuốc tuân thủ các quy định sau:

(1) Kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam, mỗi năm Việt Nam có thể loại trừ khỏi phạm vi điều chỉnh của Chương 15 (Mua sắm chính phủ) một tỷ lệ phần trăm tương ứng tính trên tổng giá trị hợp đồng mua thuốc như sau:

Năm	Năm 1-3	Năm 4-10	Năm 11-15	Năm 16 trở đi
Tỷ lệ phần trăm tính trên tổng giá trị hợp đồng	100	65	60	50

(2) Đối với phần gói thầu mua thuốc thuộc phạm vi điều chỉnh của Chương 15 (Mua sắm chính phủ), thuốc phải được mua theo trình tự ưu tiên sau:

a) Thuốc phát minh (còn bản quyền); tiếp đến

- b) Thuốc generic thuộc Nhóm 1 (theo hệ thống phân loại của Bộ Y tế Việt Nam); tiếp đến
- c) Thuốc generic thuộc Nhóm 2; tiếp đến
- d) Thuốc generic thuộc Nhóm 3; tiếp đến
- e) Thuốc generic thuộc Nhóm 4; tiếp đến
- f) Thuốc generic thuộc Nhóm 5;

cho tới khi mua đủ thuốc theo tỷ lệ phần trăm mở cửa cho năm đó.

(3) Nhà thầu thuốc khỏi TPP cung cấp thuốc cho các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, sẽ có quyền trực tiếp tham dự thầu.

(4) Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với dịch vụ phân phối thuốc trong trường hợp phần công việc này hình thành một gói thầu riêng hoặc là một phần hay đi kèm một gói thầu. Trong trường hợp dịch vụ phân phối là một phần hay đi kèm một gói thầu, nhà thầu trúng thầu, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, có quyền chọn nhà phân phối thuốc được cấp phép ở Việt Nam, bao gồm cả nhà phân phối hiện tại của nhà thầu đó, để giao thuốc cho các cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh.

PHẦN E: Danh mục dịch vụ

Các dịch vụ được liệt kê dưới đây, căn cứ theo Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tam thời, thuộc phạm vi điều chỉnh (các dịch vụ khác được loại trừ):

Mã CPC	Mô tả
61	Dịch vụ bán, bảo trì và sửa chữa ô tô và xe máy
64	Dịch vụ nhà hàng và khách sạn
75231	Các dịch vụ mạng dữ liệu
75232	Các dịch vụ thông tin và tin nhắn điện tử
84	Dịch vụ máy tính và các dịch vụ liên quan
862	Dịch vụ kế toán, kiểm toán và ghi sổ
863	Dịch vụ thuế
864	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò ý kiến công chúng
872	Dịch vụ cung cấp và bố trí nhân sự
874	Dịch vụ lau dọn các tòa nhà
87501	Dịch vụ chụp ảnh chân dung
87503	Dịch vụ chụp ảnh hành động
87504	Dịch vụ chụp ảnh đặc biệt
87505	Dịch vụ xử lý ảnh
87506	Dịch vụ xử lý phim hoạt hình không liên quan tới ngành phim hoạt hình và truyền hình
87507	Dịch vụ phục hồi, sao chép và chỉnh sửa ảnh
87509	Các dịch vụ nhiếp ảnh khác
876	Dịch vụ đóng gói
87903	Dịch vụ trả lời điện thoại
87904	Dịch vụ sao chụp
87905	Dịch vụ phiên dịch và biên dịch
87906	Dịch vụ gửi thư hoặc thu thập danh sách gửi thư
94	Dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải, dịch vụ vệ sinh và các dịch vụ môi trường khác (ngoại trừ việc thu thập rác trong văn phòng của các đơn vị thuộc phạm vi điều chỉnh)
97	Các dịch vụ khác (ngoại trừ 97030 – Dịch vụ tang lễ, hỏa táng, tổ chức tang lễ và 97090 – các dịch vụ khác.)
980	Các hộ gia đình cá nhân với người được tuyển dụng
99	Dịch vụ do các tổ chức và cơ quan xuyên quốc gia cung cấp

Lưu ý đối với Phần E:

- Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với:
 - các gói thầu cung cấp dịch vụ công ích;
 - các gói thầu cung cấp dịch vụ gắn liền với việc quản lý và vận hành các công trình của chính phủ và tất cả công trình thuộc sở hữu tư nhân được dùng vì mục đích công;
- Cam kết về các dịch vụ thuộc mã CPC 75231, 75232, 84 áp dụng đối với nhà thầu thuộc các nước TPP được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam trong trường hợp nhà

thầu là doanh nghiệp, hoặc là cá nhân mang quốc tịch Việt Nam trong trường hợp nhà thầu là cá nhân.

PHẦN F: Dịch vụ xây dựng

Chương 15 (Mua sắm chính phủ) áp dụng đối với tất cả dịch vụ xây dựng được liệt kê trong Mục 51 của Hệ thống Phân loại Sản phẩm Trung tâm Tạm thời (CPC) do các cơ quan nêu ở Phần A và Phần C tổ chức lựa chọn nhà thầu, ngoại trừ những dịch vụ xây dựng được loại trừ trong Bản chào của Việt Nam, trên cơ sở Lưu ý đối với các Phần, Lưu ý chung trong Phần G và Lưu ý trong Phần này.

Lưu ý đối với Phần F:

Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với gói thầu:

1. Dịch vụ nạo vét;
2. Dịch vụ xây dựng ở vùng đặc biệt khó khăn, miền núi và vùng sâu, vùng xa theo quy định của Việt Nam và ở các đảo nằm ngoài lãnh hải của Việt Nam.
3. Dịch vụ xây dựng trụ sở chính của các Bộ, cơ quan ngang Bộ.

PHẦN G: Lưu ý chung

I. Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng đối với:

1. hợp đồng BOT và hợp đồng nhượng quyền;
2. các gói thầu nhằm mục đích phát triển, bảo vệ hoặc bảo tồn các giá trị nghệ thuật, lịch sử, khảo cổ hay di sản văn hóa của quốc gia;
3. gói thầu mua sắm hàng hóa và các dịch vụ đi kèm liên quan đến dự trữ quốc gia theo quy định của *Luật Dự trữ quốc gia* cũng như các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi Luật đó;
4. các gói thầu liên quan tới bất kỳ hình thức ưu đãi nào dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;
5. các biện pháp nhằm tăng cường sức khỏe, phúc lợi, phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội của dân tộc thiểu số;
6. gói thầu sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại và các khoản tài trợ của tổ chức/cá nhân không thuộc danh sách cơ quan mua sắm nêu trong Phụ lục này;
7. các gói thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ trong lãnh thổ Việt Nam để tiêu dùng bên ngoài lãnh thổ Việt Nam;
8. các gói thầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tới lễ kỉ niệm của quốc gia và liên quan tới mục đích tôn giáo;
9. dịch vụ vận tải là một phần hay đi kèm một gói thầu;
10. các gói thầu của một cơ quan mua sắm mua từ một cơ quan nhà nước khác.

II. Để rõ nghĩa hơn:

1. Hình thức chỉ định thầu được áp dụng với gói thầu rà phá bom mìn để giải phóng mặt bằng;
2. Chương 15 (Mua sắm chính phủ) không áp dụng với các gói thầu do một cơ quan thuộc phạm vi điều chỉnh tổ chức lựa chọn nhà thầu thay cho một cơ quan không thuộc phạm vi điều chỉnh;
3. Với điều kiện tuân thủ Điều 4 Chương 15 (Các nguyên tắc chung), Việt Nam có thể áp dụng các quy định phân biệt đối xử theo hướng ưu tiên nhà thầu của các Nước thành viên cung cấp hàng hóa hay dịch vụ có xuất xứ từ các Nước thành viên so với các nhà thầu cung cấp hàng hóa hay dịch vụ có xuất xứ từ các Nước không phải thành viên của Hiệp định này.
4. Bất kỳ loại trừ nào có liên quan chung hay riêng tới một cơ quan mua sắm cũng sẽ áp dụng đối với cơ quan kế thừa theo cách thức nhằm duy trì phạm vi mở cửa của Bản chào này.
5. Các dịch vụ Việt Nam mở cửa trong Chương 15 (Mua sắm chính phủ) phụ thuộc vào các loại trừ và bảo lưu trong các chương Dịch vụ qua biên giới, Đầu tư và Dịch vụ tài chính.
6. Chương này không ngăn cản Việt Nam thông qua hay duy trì các quy định, biện pháp mà Việt Nam cho là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu, bao gồm cả bí mật nhà nước, được quy định trong pháp luật của Việt Nam.
7. Bản chào mở cửa thị trường này chỉ áp dụng đối với các thành viên ban đầu của TPP, cụ thể là Ô-xtrơ-rây-li-a, Bru-nây, Ca-na-đa, Chi-lê, Nhật Bản, Ma-lai-xi-a, Mê-hi-cô, Niu Di-lân, Pê-ru, Xinh-ga-po và Hoa Kỳ.

PHẦN H: Công thức Điều chỉnh Ngưỡng

1. Ngưỡng mở cửa sẽ được điều chỉnh 2 năm một lần với hiệu lực của mỗi lần điều chỉnh bắt đầu vào ngày 01 tháng Một. Lần điều chỉnh đầu tiên có hiệu lực vào ngày 01 tháng Một của năm thứ ba sau ngày Hiệp định có hiệu lực.
2. Hai năm một lần, Việt Nam sẽ tính toán và công bố ngưỡng mở cửa tính bằng Đồng Việt Nam theo Chương 15 (Mua sắm chính phủ). Việc tính toán sẽ dựa trên tỷ giá do Quỹ Tiền tệ Quốc tế công bố hàng tháng trong dữ liệu “Thống kê Tài chính Quốc tế”.
3. Tỷ giá là bình quân giá trị hàng ngày của Đồng Việt Nam tính theo Quyền Rút vốn Đặc biệt (SDR) trong khoảng thời gian 2 năm trước ngày 01 tháng Mười của năm trước thời điểm ngưỡng điều chỉnh bắt đầu có hiệu lực.
4. Việt Nam có nghĩa vụ thông báo một cách kịp thời cho các Nước thành viên khác về ngưỡng mở cửa hiện tại tính bằng Đồng Việt Nam ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực đối với Việt Nam cũng như các ngưỡng điều chỉnh sau đó.
5. Việt Nam sẽ tiến hành tham vấn nếu có sự thay đổi lớn về tỷ giá của Đồng Việt Nam so với SDR hoặc so với đồng tiền của một Nước thành viên khác làm phát sinh vấn đề nghiêm trọng đối với việc áp dụng Chương 15 (Mua sắm chính phủ).

PHẦN I: Thông tin đấu thầu

Thông báo mời thầu được đăng tải trên Báo Đấu thầu.

Việt Nam sẽ cung cấp địa chỉ của trang tin điện tử đăng tải thông tin đấu thầu sau thời gian chuyển đổi.

PHẦN J: Các biện pháp trong thời kỳ chuyển đổi

1. Điều 15.7.2 (Thông báo mời thầu): Mặc dù theo quy định tại Khoản 2 Điều 7 Chương 15 (Mua sắm chính phủ), thông báo mời thầu phải được cung cấp miễn phí trong trường hợp đăng tải qua mạng, Việt Nam có thể thu phí đối với việc tiếp cận thông báo mời thầu được đăng tải qua mạng cho tới khi hệ thống đấu thầu qua mạng của Việt Nam được vận hành và Việt Nam ban hành quy định pháp lý yêu cầu tất cả cơ quan mua sắm ở phần A sử dụng hệ thống đấu thầu qua mạng, với điều kiện là Việt Nam tuân thủ Điều 4 Chương 15 (Đối xử quốc gia và Không phân biệt đối xử). Trong thời gian chuyển đổi nêu trên, Việt Nam sẽ định kỳ thông báo cho các Nước thành viên khác về tình hình xây dựng và triển khai hệ thống đấu thầu qua mạng.

2. Điều 15.7.3 (g) và (h) (Thông báo mời thầu): Mặc dù theo quy định tại Điểm (g) và Điểm (h) Khoản 3 Điều 7 Chương 15 (Mua sắm chính phủ), thông báo mời thầu phải bao gồm thông tin về danh mục điều kiện tham dự của nhà thầu cùng với mô tả tóm tắt các điều kiện đó và việc hạn chế số lượng nhà thầu đáp ứng yêu cầu để tham dự thầu, Việt Nam có thể không đưa những thông tin này vào thông báo mời thầu cho tới khi hệ thống đấu thầu qua mạng của Việt Nam được vận hành và Việt Nam ban hành quy định pháp lý yêu cầu tất cả cơ quan mua sắm ở phần A sử dụng hệ thống đấu thầu qua mạng. Trong thời gian chuyển đổi, Việt Nam sẽ cung cấp các thông tin đó trong hồ sơ mời thầu với điều kiện là Việt Nam tuân thủ Điều 4 Chương 15 (Đối xử quốc gia và Không phân biệt đối xử).

3. Điều 15.14.3 (Thời gian trong đấu thầu): Mặc dù theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Chương 15 (Mua sắm chính phủ), cơ quan mua sắm phải quy định thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 40 ngày, Việt Nam có thể quy định thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 25 ngày kể từ ngày:

- (a) đăng tải thông báo mời thầu trong trường hợp đấu thầu rộng rãi; hoặc
- (b) cơ quan mua sắm gửi thư mời thầu cho các nhà thầu trong trường hợp đấu thầu hạn chế;

cho tới khi hệ thống đấu thầu qua mạng của Việt Nam được vận hành và Việt Nam ban hành quy định pháp lý yêu cầu tất cả cơ quan mua sắm ở phần A sử dụng hệ thống đấu thầu qua mạng, hoặc 07 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam, tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, với điều kiện là Việt Nam tuân thủ Điều 4 Chương 15 (Đối xử quốc gia và Không phân biệt đối xử).

Theo yêu cầu của Việt Nam, các Nước thành viên sẽ cân nhắc một cách tích cực về việc gia hạn thời gian chuyển đổi thêm tối đa 3 năm với điều kiện là Việt Nam làm rõ những biện pháp cụ thể nhằm tuân thủ quy định tại Khoản 3 Điều 15.14 trong giai đoạn trì hoãn thực thi nghĩa vụ.

4. Điều 15.16 (Thông tin sau khi trao hợp đồng): Mặc dù theo quy định tại Điểm (f) Khoản 3 Điều 15.16, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu phải mô tả tóm tắt lý do áp dụng hình thức chỉ định thầu, Việt Nam có thể không đưa thông tin này vào thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho tới khi hệ thống đấu thầu qua mạng của Việt Nam được vận hành và Việt Nam ban hành quy định pháp lý yêu cầu tất cả cơ quan mua sắm ở phần A sử dụng hệ thống đấu thầu qua mạng. Trong thời gian trì hoãn nghĩa vụ này, Việt Nam sẽ cung cấp thông tin nêu trên cho Nước thành viên có yêu cầu.

5. Điều 15.19 (Giải quyết kiến nghị trong nước): Mặc dù đã có quy định tại Điều 15.19 (Giải quyết kiến nghị trong nước), Việt Nam có thể trì hoãn thực thi nghĩa vụ tại Điều này trong 03 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam. Trong thời gian đó, Việt Nam cho phép nhà thầu của các Nước thành viên gửi kiến nghị đến cơ quan mua sắm về việc tổ chức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định của Luật Đấu thầu, với điều kiện là Việt Nam tuân thủ Điều 15.4 (Đối xử quốc gia và Không phân biệt đối xử).

6. Mặc dù đã có quy định tại Chương 28 (Giải quyết tranh chấp), trong vòng 05 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam, Việt Nam sẽ không chịu sự điều chỉnh của cơ chế giải quyết tranh chấp liên quan tới các nghĩa vụ của mình theo Chương 15 (Mua sắm chính phủ). Trong thời gian này, Việt Nam sẽ tham vấn với Nước thành viên có ý kiến quan ngại về việc thực thi nghĩa vụ của Việt Nam.

Biện pháp ưu đãi trong nước

Mặc dù đã được quy định tại Khoản 6 Điều 15.4 (Biện pháp ưu đãi trong nước), Việt Nam được phép yêu cầu, xem xét, áp dụng hoặc thực hiện bất kỳ hình thức ưu đãi trong nước trong bất kỳ giai đoạn nào của quy trình lựa chọn nhà thầu, cụ thể như sau:

1. Trong 10 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam, Việt Nam có thể áp dụng bất kỳ hình thức ưu đãi trong nước nào, kể cả cơ chế ưu đãi về giá, ở mức tối đa 40% tổng giá hợp đồng các gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của từng năm; tỷ lệ này giảm xuống mức tối đa 30% kể từ năm thứ 11 cho đến hết năm thứ 25. Biện pháp ưu đãi nội địa sẽ được loại bỏ từ năm thứ 26 kể từ khi Hiệp định có hiệu lực đối với Việt Nam.

2. Để rõ nghĩa hơn, đoạn 1 không giới hạn giá trị ưu đãi trong nước mà Việt Nam có thể yêu cầu đối với một gói thầu mà giá trị này nằm trong hạn mức tỉ lệ phần trăm hàng năm được áp dụng biện pháp ưu đãi trong nước theo lộ trình nêu trên.